

Số: 58 /2016/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 20 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa IX, kỳ họp thứ 3 về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền phí, lệ phí thu được trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 3081/STC-QLNS ngày 19 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức thu phí

1. Phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất với mức thu như sau:

Nội dung	Mức thu
a) Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m ³ /ngày đêm	400.000 đồng/1 đề án
b) Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ:	
Từ 200m ³ đến dưới 500m ³ /ngày đêm	1.000.000 đồng/1 đề án, báo cáo
Từ 500m ³ đến dưới 1.000m ³ /ngày đêm	2.500.000 đồng/1 đề án, báo cáo
Từ 1.000m ³ đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm	5.000.000 đồng/1 đề án, báo cáo

2. Phí thăm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt với mức thu như sau:

Nội dung	Mức thu
a) Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m ³ /ngày đêm	500.000 đồng/1 đề án, báo cáo
b) Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng 0,1m ³ đến dưới 0,5m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất 50kw đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng 500m ³ đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm	1.500.000 đồng/1 đề án, báo cáo
c) Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng 0,5m ³ đến dưới 1m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng 3.000m ³ đến dưới 20.000m ³ /ngày đêm	4.000.000 đồng/1 đề án, báo cáo
d) Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng 1m ³ đến dưới 2m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất 1.000 đến dưới 2.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng 20.000m ³ đến dưới 50.000m ³ /ngày đêm	8.000.000 đồng/1 đề án, báo cáo

3. Phí thăm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi:

Nội dung	Mức thu
Đề án, báo cáo có lưu lượng nước:	
a) Dưới 100m ³ /ngày đêm	500.000 đồng/1 lần đề án, báo cáo
b) Từ 100m ³ đến dưới 500m ³ /ngày đêm	1.500.000 đồng/1 đề án, báo cáo
c) Từ 500m ³ đến dưới 2.000m ³ /ngày đêm	4.000.000 đồng/1 đề án, báo cáo
d) Từ 2.000m ³ đến dưới 5.000m ³ /ngày đêm	8.000.000 đồng/1 đề án, báo cáo

4. Phí thăm định gia hạn, bổ sung mức thu bằng 50% mức thu theo quy định nêu trên.

Điều 2. Đối tượng chịu phí

Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài khi được cơ quan có thẩm quyền thực hiện công việc thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi phải nộp phí theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Đơn vị thu phí

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có nhiệm vụ tổ chức thu phí.

Điều 4. Quản lý và sử dụng phí

Phí Thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi quy định tại Quyết định này là khoản thu thuộc Ngân sách Nhà nước. Cơ quan thu phí được quản lý, sử dụng tiền phí thu được theo quy định như sau:

1. Cơ quan thu phí được trích lại 60% trên tổng số tiền phí thực thu được trước khi nộp vào Ngân sách Nhà nước để chi theo chế độ quy định tại Khoản 2, Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

2. Toàn bộ số tiền phí được trích theo quy định trên, cơ quan thu phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp theo quy định và thực hiện quyết toán năm toàn bộ số tiền phí được trích để lại theo quy định; nếu sử dụng không hết trong năm thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

3. Tổng số tiền phí thực thu được, sau khi trừ số tiền được trích theo tỷ lệ quy định, số còn lại (40%) cơ quan thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

4. Hàng năm, cơ quan thu phí phải lập dự toán và quyết toán thu, chi tiền thu phí theo quy định gửi cơ quan quản lý ngành, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

5. Việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn in, phát hành, quản lý và sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, thay thế Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác,

sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UB.MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 6;
- LĐVP, CVK;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, VP.UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐƯƠNG VĂN THẮNG



Đương Văn Thắng